ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 222 /BC-UBND	*Đak Đoa, ngày 15 tháng 6 năm 2021*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2021

Thực hiện văn bản số 2127/SNV-CCHC ngày 28/12/2020 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo CCHC định kỳ năm 2021.

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ công tác cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2021.

I. Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021.

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo công tác cải cách hành chính như: Quyết định số 3043/ QĐ-UBND ngày 30/12/2020 về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính; Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021; Quyết định số 3044/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của huyện Đak Đoa; Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 về việc ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; kết quả công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm cụ thể như sau:

1. Về cải cách thể chế.

Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước, tập trung các nội dung:

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, việc tuân thủ quy trình xây dựng pháp luật: Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 29/12/2020 về triển khai công tác văn bản quy phạm pháp luật năm 2021 trên địa bàn huyện, văn bản số 111/UBND-NC ngày 25/01/2021 về việc triển khai Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, văn bản số 136/UBND-NC ngày 26/01/2021 về triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, văn bản số 33/UBND-NC ngày 07/01/2021 về triển khai về triển khai thực hiện Quyết định số 36/2020/QĐ-TTg ngày 19/12/2020. Đồng thời thường xuyên đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật cũng như việc tuân thủ quy trình pháp luật đến các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được áp dụng chặt chẽ, đúng theo các quy định của pháp luật, góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ và mang tính khả thi cao của văn bản quy phạm pháp luật được ban hành; hạn chế tối đa văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng và ban hành không đúng thẩm quyền, trình tự, quy trình theo quy định của pháp luật.

- Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi cập nhật thường xuyên các văn bản của cấp trên để làm cơ sở căn cứ pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

- Việc tổ chức triển khai hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện được triển khai tích cực, góp phần củng cố hoàn thiện hệ thống hóa pháp luật, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý nhà nước đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

- Ủy ban nhân dân huyện ban hành kế hoạch về triển khai công tác văn bản quy phạm pháp luật năm 2021. Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và địa phương tiến hành rà soát VBQPPL không còn phù hợp nhằm kịp thời phát hiện để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy định hành chính không cần thiết, không phù hợp.

2. Cải cách thủ tục hành chính.

- Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo liên quan đến công tác cải cách thủ tục hành chính như: Văn bản số 2427/UBND-NC ngày 24/12/2020 về đăng ký nội dung rà soát đánh giá thủ tục hành chính năm 2021; Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 về việc ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021; văn bản số 302/UBND-CCHC ngày 26/02/2021 về việc chỉ đạo tuyên truyền liên quan đến công tác cải cách hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã; văn bản số 278/UBND-CCHC ngày 22/02/2021 về việc chỉ đạo liên quan đến việc tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông; văn bản số 279/UBND-CCHC ngày 22/2/2021 về việc chỉ đạo liên quan đến tổ chức đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính; văn bản số 235/UBND-CCHC ngày 8/02/2021 về việc tăng cường sử dụng hệ thống "Một cửa điện tử", các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 và cập nhật trên trang thông tin điện tử; văn bản số 204/UBND-CCHC ngày 3/02/2021 về việc tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa; văn bản số 161/UBND-CCHC ngày 29/01/2021 về đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính; báo cáo công tác kiểm soát TTHC quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II/2021; văn bản số 820/UBND-CCHC ngày 12/5/2021 về việc triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; văn bản số 821/UBND-CCHC ngày 12/5/2021 về việc thúc đẩy cải cách hành chính, đổi mới thực hiện cơ chế một cửa và xây dựng chính phủ điện tử phục vụ chỉ đạo điều hành; Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 9/6/2021 về việc triển khai đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện đang thực hiện triển khai mô hình "Ngày thứ 6 hỗ trợ người dân trong giải quyết thủ tục hành chính" tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện và thực hiện việc đăng ký thế chấp, xóa đăng ký thế chấp cho người dân sau khi nộp hồ sơ trong ngày thứ 6, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính.

- Hằng tuần thống kê theo dõi tình hình xử lý giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện để kịp thời chỉ đạo xử lý đối với hồ sơ trễ hạn.

- Tình hình xử lý hồ sơ theo thống kê trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử của huyện:

*** Cấp huyện**: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận 1.588 hồ sơ, cụ thể: Lĩnh vực an toàn thực phẩm: 04 hồ sơ; đất đai: 597 hồ sơ; đăng ký kinh doanh 229 hồ sơ; bảo trợ xã hội 29 hồ sơ; công thương 7 hồ sơ; cấp giấy CMND 264 hồ sơ; giáo dục đào tạo: 36 hồ sơ; hộ tịch: 05 hồ sơ; kinh doanh khí: 03 hồ sơ; lao động thương binh xã hội: 263 hồ sơ; xây dựng 57 hồ sơ; môi trường: 06 hồ sơ; quy hoạch xây dựng: 09 hồ sơ; Tôn giáo: 01 hồ sơ; thành lập và hoạt động doanh nghiệp: 32 hồ sơ; thi đua - khen thưởng 15 hồ sơ; tư pháp hộ tịch: 31 hồ sơ. Các lĩnh vực còn lại không có hồ sơ tiếp nhận qua hệ thống một cửa điện tử của huyện. Trong đó: Đã giải quyết đúng hạn 1.260 hồ sơ; đã hoàn thành trễ 12 hồ sơ; đang xử lý: 316 hồ sơ.

+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: 0 hồ sơ.

+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: 101 hồ sơ.

*** Cấp xã:** Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận 13.808 hồ sơ. Trong đó đã giải quyết trễ hạn 13 hồ sơ (Xã Adơk: 03 hồ sơ; Glar: 02 hồ sơ; Ia Băng: 01 hồ sơ; Ia Pết: 01 hồ sơ; KDang: 05 hồ sơ; Kon Gang: 01 hồ sơ), đã thực hiện việc xin lỗi công dân theo đúng quy định.

+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận dịch vụ qua công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4: 0 hồ sơ.

+ Tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: 0.

+ Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố: 0; số TTHC được công khai, 299 thủ tục cấp huyện; cấp xã 173 thủ tục.

+ Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 299 thủ tục cấp huyện; 173 thủ tục cấp xã. Trong đó: số TTHC do Trung ương quy định 299 cấp huyện; 173 cấp xã; số TTHC do địa phương quy định: 0.

* Hình thức công khai thủ tục hành chính: niêm yết thành bảng niêm yết công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định đặt tại Bưu điện huyện (Bộ phận một cửa của huyện) và các xã, thị trấn; công khai đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện và Trang thông tin điện tử các xã, thị trấn.

- Việc thực hiện niêm yết công khai thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn được thực hiện nghiêm túc theo hướng dẫn của tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có kích thước phù hợp, niêm yết đầy đủ các thủ tục hành chính và nội dung, địa chỉ phản ánh kiến nghị về quy định hành chính tại nơi tiếp nhận; vị trí đặt bảng thích hợp, không quá cao hoặc quá thấp để cá nhân, tổ chức dễ đọc, dễ tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính.

- Ủy ban nhân dân huyện cũng đã chỉ đạo niêm yết công khai danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua BCCI và danh mục TTHC không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua BCCI; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn niêm yết bộ hồ sơ mẫu ở lĩnh vực đất đai tại trụ sở các xã và tại các thôn, làng, tổ dân phố để người dân thuận tiện trong việc thực hiện thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai.

- Công tác tuyên truyền cải cách hành chính: Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành văn bản số 302/UBND-CCHC ngày 26/02/2021 về việc chỉ đạo tuyên truyền liên quan đến công tác cải cách hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã. Thủ tục hành chính được in mặt sau giấy tiếp nhận và trả kết quả của huyện để công dân, tổ chức kịp thời phản ánh sự những nhiễu về thủ tục hành chính; thực hiện việc đăng tải bổ sung thủ tục hành chính mới và thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung.

- Triển khai, hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện việc cải cách thủ tục theo quy định, hệ thống hóa và minh bạch, đầy đủ các thủ tục, giấy tờ giải quyết công việc; loại bỏ những khâu không cần thiết, rút ngắn thời gian giải quyết tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy.

- Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định giao biên chế cho các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn năm 2021. Phối hợp kiểm tra công tác ngoại nghiệp thành lập bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp theo Dự án 513 của tỉnh Gia Lai; đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Thành lập, kiện toàn (12 Hội đồng, 06 Đoàn, 01 Tổ, 09 Ban); kiện toàn các Ban Chỉ đạo; công nhận các đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2020; đề nghị Thường trực Huyện ủy quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với 04 cán bộ quản lý cơ quan chuyên môn thuộc huyện, 12 cán bộ quản lý đơn vị sự nghiệp thuộc huyện; quyết định điều chỉnh số lượng người làm việc; phê duyệt kế hoạch sử dụng giáo viên chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo; hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện năm 2021.

- Quyết định tuyển dụng công chức Chỉ huy trưởng Quân sự xã Tân Bình và tuyển dụng đặc biệt 05 công chức xã, thị trấn; miễn nhiệm đối với 08 Phó Chỉ huy Quân sự xã, 05 Phó Trưởng Công an xã; miễn nhiệm và bổ sung quy hoạch, bổ nhiệm Phó chỉ huy trưởng quân sự xã Tân Bình, Glar. Quyết định điều động, tiếp nhận, bổ nhiệm lại, phân công phụ trách, phân công kế toán kiêm nhiệm đối với 07 công chức, viên chức quản lý. Nâng bậc lương thường xuyên, thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề đối với 116 cán bộ, công chức, viên chức; xếp lương đối với 01 công chức xã. Thôi việc, nghỉ hưu hưởng chế độ bảo hiểm đối với 09 cán bộ, viên chức. Kỷ luật đối với 01 công chức. Cử CBCCVC huyện, xã tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng năm 2021 tại tỉnh[1].

4. Cải cách công vụ.

4.1. Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức.

---

[1] Cử 12 Chỉ huy trưởng, 12 Phó Chỉ huy trưởng và 04 Phó chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức đi tập huấn năm 2021; 04 hạ sĩ quan hạng 1 tham gia huấn luyện, chuyển loại năm 2021; 01 viên chức đi bồi dưỡng lớp quản lý nhà nước chương trình chuyên viên.

Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức thuộc huyện theo Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25/6/2013 của Bộ Nội vụ, theo mô tả huyện tổng số vị trí việc làm 82 vị trí, số biên chế và số lao động cần có 145 biên chế. Quyết định giao số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện năm 2021 và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP đối với một số đơn vị hành chính năm 2021. Báo cáo về hồ sơ Đề án vị trí việc làm và đề nghị Sở Nội vụ về việc hướng dẫn, triển khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ; lập dự toán kinh phí, nộp hồ sơ tinh giản biên chế đợt 2 năm 2021. Xây dựng kế hoạch biên chế sự nghiệp và công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính năm 2022 và đăng ký nhu cầu tuyển dụng viên chức, công chức năm 2021.

4.2. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy, quản lý biên chế, sử dụng biên chế công chức, viên chức từ năm 2015-2020; triển khai thực hiện việc chấp hành các quy định liên quan đến văn hóa công vụ, phòng chống tham nhũng; rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục vị trí việc làm, hoàn thiện cơ cấu công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Quyết định điều động, tiếp nhận, bổ nhiệm lại, phân công phụ trách, phân công kế toán kiêm nhiệm đối với 07 công chức, viên chức quản lý; nâng bậc lương thường xuyên, thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề đối với 45 cán bộ, công chức, viên chức; tuyển dụng và bổ nhiệm đối với công chức Chỉ huy trưởng Quân sự xã Tân Bình; quyết định cho thôi việc, nghỉ hưu hưởng chế độ bảo hiểm đối với 02 cán bộ, viên chức; quyết định nghỉ hưu đối với 01 viên chức giáo viên; kỷ luật đối với 01 công chức; miễn nhiệm đối với Phó Chỉ huy Quân sự, Phó Trưởng Công an xã Tân Bình.

5. Cải cách tài chính công.

5.1. Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005.

- Các đơn vị được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, đã chủ động sử dụng hiệu quả kinh phí ngân sách nhà nước giao để thực hiện nhiệm vụ.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc: nguồn thu ngân sách còn hạn chế, kinh phí chi thường xuyên giao quyền tự chủ hằng năm cho các đơn vị chưa cao. Tuy nhiên, các đơn vị cũng đã chủ động sử dụng kinh phí được giao, tiết kiệm chi để mua sắm trang thiết bị phục vụ công việc, đảm bảo đủ để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- 17/17 cơ quan, đơn vị cấp huyện đều được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công.

5.2. Thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công, làm cơ sở cho việc sử dụng kinh phí có hiệu quả, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu suất lao động, chấp hành tốt các chính sách, chế độ và quy định về tài chính.

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ: 54/54 đơn vị

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập cần phải thực hiện cơ chế tự chủ và quy chế quản lý tài sản công là 54 đơn vị.

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ: 4/4 đơn vị.

6. Hiện đại hoá nền hành chính.

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước.

- Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 04/9/2020 về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin năm 2021; Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 04/9/2020 về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025.

- Phối hợp Sở Thông Thông tin và Truyền thông, VNPT Gia Lai tuyên truyền việc triển khai thí điểm Hệ thống thông tin dịch vụ công 1022 trên địa bàn huyện nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với các nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công; tăng cường sự giám sát của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; khắc phục bệnh quan liêu, trì trệ, đảm bảo tính kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, công khai, minh bạch và đúng pháp luật trong

6.2. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin (CNTT): Tổng số máy tính tại các cơ quan chuyên môn cấp huyện và 17 xã, thị trấn là 359 (trong đó máy tính kết nối internet đạt 95%), tỉ lệ cán bộ, công chức có máy tính là 87%. Các máy tính đều cài đặt chế độ tường lửa nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin.

6.3. Sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (QLVBĐH): Tất cả các văn bản được trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị dưới dạng điện tử; hệ thống QLVBĐH được kết nối, liên thông từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã; 100% văn bản được lãnh đạo trực tiếp phê duyệt, xử lý, giao việc hoàn toàn trên phần mềm và được ký số đảm bảo đúng theo quy định. Tổ chức triển khai thực hiện việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ theo đúng quy định tại Quyết định số 271/QĐSTTTT ngày 30/12/2020 của Sở Thông tin và Truyền thông về quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

6.4. Hoạt động trang thông tin điện tử UBND huyện: Trang thông tin điện tử của huyện hoạt động thường xuyên, có hiệu quả; thường xuyên đăng tải các văn bản chỉ đạo, điều hành của huyện; đưa các tin, bài về hoạt động trên các lĩnh vực của huyện, tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; cung cấp đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định. Hiện nay 17/17 xã, thị trấn đã có trang thông tin điện tử thành phần. Trang thông tin điện tử của huyện cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử, đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu thông tin của cán bộ, công chức, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn huyện.

Trong 6 tháng đầu năm 2021 đã đăng tải 242 tin bài, 03 chuyên mục và 213 các loại văn bản quản lý hành chính,văn bản chỉ đạo, điều hành của huyện.

- Kịp thời cập nhật các quy trình thủ tục hành chính cấp huyện khi có sự thay đổi bổ sung. Đã đăng tải và cập nhập bổ sung bộ thủ tục hành chính cấp huyện trên Trang thông tin điện tử; gỡ bỏ 03 thủ tục hành chính không phù hợp trên Trang thông tin điện tử huyện. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện chức năng công khai tiến độ và giải quyết TTHC trên Trang thông tin điện tử huyện và Trang thông tin điện tử thành phần xã, thị trấn.

- Công khai đường dây nóng phòng chống dịch Covid-19 của huyện; thông tin tình hình dịch bệnh Covid-19 tại tỉnh Gia Lai; tiến độ giải quyết hồ sơ một cửa của huyện. Mở các chuyên mục "ISO 9001:2015", "Du lịch". Ngoài ra, cập nhập nội dung như: Lịch làm việc của lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện, các thông báo chung, trả lời kiến nghị cử tri, trả lời nội dung kiến nghị của công dân, kết quả tiếp công dân ngày thứ 7; kế hoạch đăng ký của cá nhân; thư xin lỗi công dân; các văn bản của huyện, tỉnh, Trung ương; thông tin dự án;... để đăng tải lên trang thông tin điện tử huyện.

6.5 Hội nghị truyền hình: Đến nay huyện đã tổ chức 23 buổi họp trực tuyến với các sở, ban ngành của tỉnh và Trung ương. Phối hợp triển khai, vận hành hệ thống Hội nghị truyền hình xuống 17 xã, thị trấn.

6.6 Việc sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh (địa chỉ:http://mail.gialai.gov.vn): 100% cán bộ, công chức được cung cấp đầy đủ thư điện tử công vụ và thường xuyên sử dụng trong trao đổi công việc, đảm bảo nhu cầu trao đổi thông tin nhanh chóng, thuận tiện và bảo mật.

6.7 Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp: Hiện đã có 373 TTHC sử dụng dịch vụ công trực tuyến tích hợp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (trong đó: 288 dịch vụ công trực truyến mức độ 2; 09 dịch vụ mức độ 3 và 76 dịch vụ mức độ 4). Triển khai việc tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích, có 54 dịch vụ có phát sinh hồ sơ, chiếm 18,18%.

6.8. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính.

- Đối với cấp huyện: Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 5/11/2020 về việc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Theo đó, các thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân huyện Đak Đoa được công bố phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 gồm 266 thủ tục hành chính; 05 quy trình hệ thống; 02 quy trình nội bộ; mô hình hệ thống; chính sách chất lượng; mục tiêu chất lượng; phạm vi hệ thống.

- Đối với cấp xã: 17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã hoàn thành việc chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Gồm: 155 thủ tục hành chính; 05 quy trình hệ thống; 02 quy trình nội bộ; mô hình hệ thống; chính sách chất lượng; mục tiêu chất lượng; phạm vi hệ thống, cụ thể: Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký ISO hành chính theo tiêu chuẩn 9001:2015; văn bản số 667/UBND-CCHC ngày 22/4/2021 về việc tham gia tập huấn kiến thức về hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Các cơ

quan, đơn vị thuộc huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã duy trì áp dụng và thực hiện nghiêm túc hệ thống văn bản, quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào hoạt động chuyên môn của từng đơn vị, địa phương mình.

II. Đánh giá chung.

1. Về ưu điểm.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp, nhiệm vụ cải cách hành chính ở địa phương. Công tác chỉ đạo, điều hành về nhiệm vụ cải cách hành chính từ huyện đến cấp xã đã được đẩy mạnh. Công tác thông tin tuyên truyền cải cách hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện xã luôn được quan tâm, chú trọng. Mô hình "Ngày thứ Sáu giúp dân" tại bộ phận một cửa từng bước mang lại hiệu quả. Công tác cải cách thủ tục hành chính cơ bản đáp ứng yêu cầu, công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục giải quyết công việc hành chính giữa các cơ quan hành chính với cá nhân, tổ chức. Hồ sơ trễ hẹn 6 tháng đầu năm 2021 giảm so với cùng kỳ 6 tháng năm 2020 (25/31). Đội ngũ công chức nhất là công chức cấp xã cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính được quan tâm, chú trọng.

2. Tồn tại, hạn chế.

- Hồ sơ thủ tục hành chính mức độ 3, 4 còn ít.
- Vẫn còn hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trễ hạn.

III. Phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2021.

- Thường xuyên chỉ đạo, theo dõi và cập nhật công khai các thủ tục hành chính niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận và giao trả hồ sơ của huyện, tại trụ sở Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và trên Trang thông tin điện tử của huyện và xã.
- Thành lập đoàn kiểm tra và xây dựng kế hoạch đi kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, ISO hành chính tại các đơn vị, địa phương.
- Thường xuyên chỉ đạo theo dõi và cập nhật công khai các thủ tục hành chính niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận và giao trả hồ sơ của huyện, tại trụ sở Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.
- Tiếp thực thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của cấp trên.
- Duy trì và thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động quản lý của các cơ quan, đơn vị của huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.
- Thực hiện việc xây dựng, áp dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo yêu cầu, kế hoạch của tỉnh; đồng thời chủ động tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức người dân, tổ chức tích cực phối hợp tham gia; giảm thiểu tối đa việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trễ hạn cho các nhân tổ chức. Thường xuyên thực hiện việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện, xã, thị trấn.

- Thực hiện việc kiểm tra đột xuất quy chế làm việc; quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và tình hình hoạt động tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện, xã, thị trấn.

- Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung về công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Tiếp tục cải tiến lề lối, tác phong, thái độ thực thi công vụ của công chức để phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu giải quyết công việc của công dân, tổ chức và doanh nghiệp.

- Tiếp tục đăng tải các chuyên mục, văn bản, quy định của pháp luật liên quan đến công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2021 của huyện Đak Đoa./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ tỉnh (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Minh Trung

Phụ lục

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC TẠI CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VÀ UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Báo cáo số 222 /BC-UBND ngày 15/6/2021 của Ủy ban nhân dân)

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	24	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	4	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	10	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.2.1.	Tổng số phòng chuyên môn, đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị	4 cơ quan, 9 xã, thị trấn	
1.2.2.	Số phòng chuyên môn, đơn vị, địa phương đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	4 cơ quan, 9 xã, thị trấn	Kiểm tra trong Quý III
1.2.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.2.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao		0	
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	0	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4	Thực hiện nhiệm vụ UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao		0	
1.4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao		0	
1.4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn		0	
1.4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn		0	
1.5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	50	
1.5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	Quý IV năm 2021
1.6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
2.	**Cải cách thể chế**			

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	**Cải cách thủ tục hành chính**			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	Thủ tục	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	Thủ tục	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	Thủ tục	
Trong đó	Số TTHC cấp sở:	Thủ tục	Thủ tục	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	299 Thủ tục	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	173 Thủ tục	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	Thủ tục	
3.2.2	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	Thủ tục	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		100%	
3.3.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	Thủ tục	
3.3.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	Thủ tục	
3.3.3	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100%	
3.3.4	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100%	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	%	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	100%	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	99,9%	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hẹn (ở cả 3 cấp).	%	100%	
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hẹn (ở cả 3 cấp).	%	100%	
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	Thủ tục	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	83 Thủ tục	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	0 Thủ tục	
4.	**Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	Cơ quan, đơn vị	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	Cơ quan, đơn vị	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị	Cơ quan, đơn vị	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	Cơ quan, đơn vị	
Trong đó	*Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh*	Cơ quan, đơn vị	Cơ quan, đơn vị	
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	Cơ quan, đơn vị	
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	58 Cơ quan, đơn vị	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	11,1%	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	82 Người	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	73 Người	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	5 Người	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	Người	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	%	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	1241	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
			Người	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	1195 Người	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	Người	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	4,1 %	
5.	**Cải cách chế độ công vụ**			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức		82 công chức cơ quan huyện	
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	12	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	54	Đã trình tỉnh phê duyệt
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			Đang tổ chức xét tuyển viên chức giáo viên.
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	5	Công chức cấp xã
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo		2	Trưởng phòng Lao đông - TBXH, trưởng phòng TC-KH
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	mới			
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức *(cả về Đảng và chính quyền).*		0	
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
6.	**Cải cách tài chính công**			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	58	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	0	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	0	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	58	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	**Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số**			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến *Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.* *Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.*	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Hoàn thành = 2		
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.		100%	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		100	
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử *(Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)*.	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	9	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	76	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0	0 hồ sơ
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%		86/1528 hồ sơ